

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/11/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Phước
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 142/2021/TLST – HNGĐ ngày 07/6/2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 06/10/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 62b/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 27/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thanh T, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2021 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thanh T trình bày: Do tự tìm hiểu quen biết chị và anh Phan Văn N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (huyện M) nay là huyện MB, tỉnh B vào ngày 07/4/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không chung thủy với chị nên vợ chồng thường cãi vã, nhiều lần anh N còn đánh chị, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh N không thay đổi, vợ chồng sống ly thân đã hơn 4 tháng nay, trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có gặp gỡ nhưng không có hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay thấy không

còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh Phan Văn N. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Phan Hữu T, sinh ngày 12/4/2005 hiện con đang sống với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Phan Thanh T trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Vì bận đi làm nên chị xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

Bị đơn anh Phan Văn N vắng mặt vào những lần Tòa án mời nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể vắng mặt vào lần Tòa án mời; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thanh T; Về con chung: chị Phan Thanh T được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Hữu T, sinh ngày 12/4/2005, hiện cháu đang sống chung với chị T, buộc anh Phan Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Phan Thanh T trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn anh Phan Văn N có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thanh T đối với anh Phan Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng do anh N không chung thủy với chị, nhiều lần đánh chị, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh N không thay đổi và vợ chồng đã chính thức sống ly thân khoảng 4 tháng nay, trong thời gian sống ly thân anh chị có gặp gỡ nhưng không có hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh N. Phía anh N thì được Tòa án triệu tập nhiều lần để tạo cơ

hội cho anh và chị T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N không đến. Ngày 14/7/2021 Tòa án có Thông báo đề anh giao nộp tài liệu chứng cứ nhằm mục đích để anh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như văn bản thể hiện ý kiến của anh về nội dung Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng phía anh N không đến cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình. Điều đó chứng tỏ anh N không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T, theo chị T trình bày là anh có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng cãi vã, nhiều lần anh N còn đánh chị và hiện vợ chồng sống ly thân 4 tháng nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân cả anh và chị T đều không có biện pháp hữu hiệu hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh chị mâu thuẫn là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ. Về con chung: cháu Phan Hữu T, sinh ngày 12/4/2005 hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T sau khi anh chị ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh chị sống ly thân đến nay cháu T vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ. Do vậy, nghĩ để chị T tiếp tục nuôi cháu T để không làm xáo trộn việc sinh hoạt cũng để ổn định tâm sinh lý của cháu sau khi cha mẹ ly hôn. Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: mặc dù ly hôn nhưng anh chị vẫn phải có quyền và nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng mà chị T yêu cầu đối với anh N là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Phan Thanh T trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Phan Thanh T phải nộp 300.000 đồng. Anh Phan Văn N phải nộp án phí cấp dưỡng số tiền là 300.000 đồng.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thanh T.

Chị Phan Thanh T được ly hôn với anh Phan Văn N.

[2] *Về con chung*: Chị Phan Thanh T được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Hữu T, sinh ngày 12/4/2005, hiện con đang sống với chị T, anh Phan Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 12/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng mỗi tháng cấp một lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Chị Phan Thanh T trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Phan Thanh T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007539 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên không phải nộp thêm.

Anh Phan Văn N phải chịu án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng.

[5] *Về quyền kháng cáo và thi hành án*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã T, ĐKKH số 20, quyền số 01, ngày 07/4/2008 (1b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Nhớ